CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ BẢO HIỂM HƯU TRÍ BỔ SUNG AN TÂM

Hà Nội, tháng 11 năm 2026

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 3
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA 4
CHƯƠNG I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG 9
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ 9
Điều 2. Mục đích của Quỹ 9
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ 9
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ 9
Điều 5. Đại diện quản lý các quỹ hưu trí thuộc Chương trình hưu trí 9
Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ 9
Điều 7. Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 10
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư 10
Điều 9. Chính sách đầu tư 10
Điều 10. Hạn chế đầu tư 11
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ 12
CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THAM GIA QUỸ, NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG; SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI THAM GIA QUỸ12VÀ GIAO DỊCH CỦA QUỸ HƯU TRÍ 12
Điều 12. Đối tượng tham gia Quỹ 12
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Người lao động 12
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động 14
Điều 15. Sổ đăng ký Người tham gia quỹ 14
CHƯƠNG IV. CƠ CHẾ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ, THAY ĐỔI QUỸ HƯU TRÍ 15
Điều 16. Giao dịch đơn vị quỹ 15
Điều 17. Tạm dừng giao dịch của Quỹ hưu trí 18
Điều 18. Giá dịch vụ tham gia đóng góp, phí chi trả đột xuất, giá dịch vụ chuyển đổi 19
CHƯƠNG V. LẤY Ý KIẾN NGƯỜI THAM GIA QUỸ 19
Điều 19. Lấy ý kiến người tham gia quỹ 19
Điều 20. Các trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ 20
Điều 21. Điều kiện, thể thức lấy ý kiến người tham gia quỹ 20
Điều 22. Quyết định của người tham gia quỹ 22
CHƯƠNG VI. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 22
Điều 23. Ban Đại diện Quỹ 22
Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ 23
Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ 23
Điều 26. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ 24
Điều 27. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ 25
Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ 25
Điều 29. Triệu tập họp Ban đại diện Quỹ 25
Điều 30. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Ban đại diện Quỹ 26
Điều 31. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ 27
CHƯƠNG VII._CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 27

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ 27
Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ 27
Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ 28
CHƯƠNG VIII.29 TỔ CHỨC LƯU KÝ TÀI SẢN 29
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổ chức lưu ký tài sản 29
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký tài sản 29
Điều 37. Quy trình lựa chọn và thay đổi tổ chức lưu ký tài sản 30
CHƯƠNG IX. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 31
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát 31
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát 32
Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát 32
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát 34
Điều 42. Quy trình lựa chọn và thay đổi ngân hàng giám sát 34
CHƯƠNG X. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 35
Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài) 35
Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 35
Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 36
Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền 36
Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền 37
Điều 48. Quy trình lựa chọn và thay đổi các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan 38
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO 38
Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán 38
Điều 50. Năm tài chính 38
Điều 51. Chế độ kế toán 39
Điều 52. Báo cáo tài chính 39
Điều 53. Báo cáo khác 39
CHƯƠNG XII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 39
Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ 39
Điều 55. Nguyên tắc hạch toán kết quả đầu tư và chi phí hoạt động theo từng tài khoản hưu trí cá nhân 40
Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân 41
Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá 41
Điều 58. Nguyên tắc và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ 42
Điều 59. Quy trình định giá tài sản ròng của Quỹ 42
Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Người tham gia quỹ 43
CHƯƠNG XIII. GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG 44
Điều 61. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ 44
Điều 62. Chi phí hoạt động khác của Quỹ 46
CHƯƠNG XIV. GIẢI THỂ QUỸ 46
Điều 63. Giải thể Quỹ 46
CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP 47

Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát 47
Điều 65. Giải quyết tranh chấp và luật điều chỉnh 48
CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 48
Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Người tham gia quỹ 48
Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ 48
Điều 68. Hiệu lực và tổ chức thực hiện 49
PHỤ LỤC 1 CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 50
PHỤ LỤC 2 CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC LƯU KÝ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 52
PHỤ LỤC 3 CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 53
PHỤ LỤC 4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 54

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/06/2024, có hiệu lực từ ngày 01/07/2025;
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15;
4. Luật thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 10/12/2025, có hiệu lực ngày 01/07/2026; Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025; Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
6. Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung, có hiệu lực thi hành ngày 10/05/2026;
7. Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 23/2026/QH16; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
8. Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
9. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
10. Quyết định 75/QĐ-VSDC ngày 11/08/2023 ban hành Hướng dẫn về việc tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân cho Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
11. Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

"Quỹ bảo hiểm hưu trí" hay "Quỹ"	Có nghĩa là Quỹ Bảo hiểm hưu trí bổ sung An Tâm, là quỹ tài chính để thực hiện chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, được hình thành từ đóng góp của người sử dụng lao động, người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và tiền sinh lời của hoạt động đầu tư của quỹ, nằm trong Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital do Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cung cấp, được thành lập theo quy định của Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Chương trình bảo hiểm hưu trí"	Là Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital do Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cung cấp và quản lý, là chính sách bảo hiểm mang tính chất tự nguyện nhằm mục tiêu bổ sung thu nhập cho người tham gia quỹ khi đến tuổi về hưu dưới hình thức tài khoản hưu trí cá nhân, được đầu tư và tích lũy theo quy định của Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Hợp đồng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung"	Là hợp đồng ký giữa người sử dụng lao động với Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để tham gia chương trình hưu trí của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí đồng thời là hợp đồng tham gia quỹ hưu trí do Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam quản lý và ngược lại.
"Văn bản thoả thuận" hay " Thoả thuận tham gia chương trình"	Là văn bản thỏa thuận về việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung ký giữa Người lao động và Người sử dụng lao động (hoặc giữa Người sử dụng lao động với Chủ tịch Công đoàn sau khi lấy ý kiến tập thể người lao động), quy định trách nhiệm đóng góp, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên tham gia theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Công ty Quản lý Quỹ" hay "VietinBank Capital "	Là Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số 05/GCN01-QLQBHHTBS ngày 08/10/2026 bởi Bộ Tài chính. VietinBank Capital được uỷ thác quản lý các quỹ bảo

	hiểm hưu trí bổ sung, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
"Tổ chức lưu ký tài sản"	Là ngân hàng thương mại được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để thực hiện lưu ký tài sản quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Tổ chức lưu ký tài sản của Quỹ Bảo hiểm hưu trí bổ sung An Tâm là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, là Ngân hàng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
"Ngân hàng giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành, là Ngân hàng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được Công ty quản lý quỹ lựa chọn để thực hiện giám sát hoạt động của Quỹ theo khoản 5 Điều 3 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, đáp ứng điều kiện và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, Hợp đồng giám sát và Điều lệ này. Ngân hàng giám sát đồng thời là Tổ chức lưu ký tài sản và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ của Quỹ; khi thực hiện các chức năng này phải bảo đảm tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu theo điểm e khoản 5 Điều 9, khoản 5 Điều 12 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân"	Là tổ chức được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí lựa chọn để cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 14 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ hưu trí, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ hưu trí. Công ty kiểm toán do VietinBank Capital lựa chọn được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập.
"Đại lý bảo hiểm hưu trí"	Là tổ chức được công ty quản lý quỹ uỷ quyền thực hiện các hoạt động sau đây:

	a) Giới thiệu về quỹ hưu trí và cung cấp các tài liệu về quỹ hưu trí bổ sung; b) Ký hợp đồng tham gia quỹ hưu trí với người tham gia quỹ và người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
"Điều lệ Quỹ"	Là Bản Điều lệ này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Hợp đồng lưu ký"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức lưu ký tài sản.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Người tham gia quỹ"	Là người lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội, tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, có tài khoản hưu trí cá nhân tại Quỹ hưu trí.
"Đối tượng tham gia"	Là người sử dụng lao động và người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Người sử dụng lao động là Đối tượng tham gia nhưng không có tài khoản hưu trí cá nhân và không phải là Người tham gia quỹ.
"Tài khoản hưu trí cá nhân" hoặc "Tài khoản hưu trí"	Là tài khoản được cấp cho người tham gia quỹ, được quản lý bởi các doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ được uỷ quyền theo quy định của pháp luật.
"Đơn vị quỹ"	Là phần vốn bằng nhau được chia ra từ tổng vốn của Quỹ, được ghi nhận dưới dạng bút toán ghi sổ trong tài khoản hưu trí cá nhân, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia quỹ đối với tài sản của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ người tham gia quỹ đang sở hữu. Mệnh giá đơn vị quỹ là 10.000 đồng.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Năm tài chính"	Là 12 (mười hai) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ được xác định theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này.
"Giá trị Tài sản ròng của Quỹ" hay "NAV của Quỹ"	Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng giá trị các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước ngày định giá và được xác định theo phương pháp quy định tại Điều lệ này.

"Ngày Định giá"	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định Giá trị Tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.
"Ngày giao dịch"	Là ngày định giá mà công ty quản lý quỹ thực hiện lệnh đóng góp hoặc lệnh yêu cầu nhận chi trả từ người tham gia quỹ trước thời điểm nhận lệnh cuối cùng.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho người tham gia quỹ thực hiện giám sát các hoạt động của Quỹ, VietinBank Capital và Ngân hàng giám sát.
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức được uỷ quyền nhận lệnh giao dịch từ người tham gia quỹ để thực hiện giao dịch tại mỗi kỳ giao dịch.
"Dịch vụ quản trị quỹ hưu trí"	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ uỷ quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: Ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
"Dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân"	Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ uỷ quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: a) Hạch toán thu chi toàn bộ hoạt động của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí; chi trả hưu trí; b) Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí; xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân; c) Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng; d) Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định pháp luật có liên quan.
"Người có liên quan"	Là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty Quản lý Quỹ thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
"UBCKNN"	Là Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.

"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, điều và đoạn của Điều lệ này.

Các từ "của Điều lệ này", "trong Điều lệ này" và "theo Điều lệ này" và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản của Điều lệ này.

Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thoả thuận nào có nghĩa là văn kiện hoặc thoả thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thoả thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu văn bản pháp luật như được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi hoặc gia hạn tại từng thời điểm.

Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.

CHƯƠNG I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên Quỹ hưu trí:	Quỹ Bảo hiểm hưu trí bổ sung An Tâm
Tên Tiếng Anh:	An Tam Supplementary Pension Fund
Tên viết tắt:	Quỹ Hưu trí An Tâm
Địa chỉ liên hệ:	Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(024) 3938 8855
Website:	www.vietinbankcapital.vn

Điều 2. Mục đích của Quỹ

Quỹ Hưu trí An Tâm được thành lập cho Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung do VietinBank Capital cung cấp và quản lý, là một phần không tách rời của Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital. Khoản đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động (nếu có) tham gia Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital được đóng vào Quỹ Hưu trí An Tâm do VietinBank Capital quản lý. Tài sản của quỹ dùng cho mục đích chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung cho người tham gia quỹ khi đáp ứng các điều kiện quy định của Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quỹ

4.1. Quỹ Hưu trí An Tâm là quỹ tài chính để thực hiện chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung của VietinBank Capital, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25/03/2026 của Chính phủ về bảo hiểm hưu trí bổ sung, các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan và các quy định trong bản Điều lệ này.

4.2. Quỹ áp dụng các quy định pháp luật của quỹ mở về các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng, chế độ kế toán liên quan đến phân loại, ghi nhận, hạch toán.

4.3. Quỹ có Ban đại diện Quỹ do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, mời tham gia theo quy định tại Chương VI Điều lệ này, đại diện cho quyền lợi của người tham gia quỹ để giám sát hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trong phạm vi quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

Điều 5. Đại diện quản lý các quỹ hưu trí thuộc Chương trình hưu trí

VietinBank Capital là đại diện duy nhất quản lý Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung trong chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital).

Điều 6. Công ty Quản lý Quỹ

- Công ty Quản lý quỹ:

- Tên tiếng Việt: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
- Tên tiếng Anh: VietinBank Fund Management Company Limited
- Tên viết tắt: VIETINBANK FMC

– Giấy phép thành lập và hoạt động số: 50/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 26/10/2010 và các Giấy phép điều chỉnh.
– Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 304 và 306 Bà Triệu, phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
– Điện thoại: 024-39388855 Fax: 024-39388500

Điều 7. Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

7.1. Ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

– Ngân hàng:
  - Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
  - Tên viết tắt: BIDV – CN Hà Thành
– Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;
– Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.
– Địa chỉ trụ sở chính: 74 phố Thợ Nhuộm, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
– Điện thoại: 024-39411846 Fax: 024-39411847

7.2. Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

– Tên tổ chức:
  - Tên tiếng Việt: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
  - Tên tiếng Anh: Viet Nam Securities Depository and Clearing Corporation
  - Tên viết tắt: VSDC
– Quyết định thành lập số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ
– Địa chỉ trụ sở chính: 112 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
– Điện thoại: 024 39747123 Fax: 024 39747120

CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ Hưu trí An Tâm là bảo toàn vốn, tạo mức sinh lời ổn định trong dài hạn, phù hợp với đặc điểm tích lũy hưu trí của người tham gia quỹ, đồng thời kiểm soát rủi ro. Danh mục đầu tư được xây dựng theo nguyên tắc thận trọng, đa dạng hóa và tuân thủ các giới hạn đầu tư theo quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 9. Chính sách đầu tư

9.1. Các tài sản được phép đầu tư:

a. Công cụ nợ của Chính phủ, bao gồm: Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc Nhà nước, công trái xây dựng Tổ quốc đảm bảo các tiêu chí quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

b. Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đảm bảo các tiêu chí quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

c. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại phù hợp với chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và Phụ lục IV Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, trừ các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt.

d. Trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các ngân hàng thương mại phù hợp với chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và Phụ lục IV Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, trừ các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt.

e. Cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán theo điều kiện quy định về chính sách đầu tư của quỹ tại Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và Phụ lục IV Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

9.2. Thay đổi chính sách đầu tư

Việc thay đổi chính sách đầu tư của Quỹ phải được người tham gia quỹ thông qua theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này. Thời gian, nội dung dự kiến thay đổi được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và gửi cho người sử dụng lao động, người tham gia quỹ tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi lấy ý kiến. Chính sách đầu tư sửa đổi được áp dụng kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực theo Điều 67 Điều lệ này; Công ty quản lý quỹ thông báo cho Bộ Tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi theo khoản 2 Điều 29 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

10.1. Danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.

10.2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ hưu trí phải đảm bảo:

a. Giá trị đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư Trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 40% tổng giá trị tài sản ròng của quỹ đối với quỹ có giá trị tài sản ròng từ 05 tỷ đồng trở lên.

b. Giá trị đầu tư vào chứng khoán niêm yết (không bao gồm các khoản đầu tư quy định tại điểm a, điểm b khoản 9.1 Điều 9 Điều lệ này) không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ.

c. Giá trị đầu tư vào chứng khoán của cùng một tổ chức phát hành (ngoại trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 9.1 Điều 9 Điều lệ này và các khoản đầu tư thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) không vượt quá 5% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành và không vượt quá 10% tổng tài sản của quỹ.

d. Giá trị đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm c, d, e khoản 9.1 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần

vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ.

e. Giá trị đầu tư vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đầu tư chứng khoán không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trường hợp đầu tư vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán của các quỹ do doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí quản lý, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí chỉ được thu phí quản lý quỹ một lần.

10.3. Quỹ hưu trí không được gửi tiền tại doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc người có liên quan với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

10.4. Trong thời gian tối đa 03 tháng và thuộc một trong các trường hợp sau đây, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch với các hạn chế đầu tư quy định khoản 10.2 Điều 10 Điều lệ này kể từ ngày phát sinh sai lệch:

a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.

b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật.

c. Các tổ chức phát hành chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

d. Quỹ mới bắt đầu thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng.

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

f. Các tài sản đang đầu tư của Quỹ không còn đáp ứng các tiêu chí đầu tư theo quy định tại Nghị định 85/2026/NĐ-CP, Điều lệ quỹ và chính sách đầu tư của quỹ.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

11.1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ hưu trí để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

11.2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư cho Quỹ.

11.3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ hưu trí để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THAM GIA QUỸ, NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG; SỔ ĐĂNG KÝ NGƯỜI THAM GIA QUỸ VÀ GIAO DỊCH CỦA QUỸ HƯU TRÍ

Điều 12. Đối tượng tham gia Quỹ

Đối tượng tham gia Quỹ bao gồm:

12.1. Người sử dụng lao động;

12.2. Người lao động đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Người lao động

13.1. Quyền của Người lao động

a. Tự nguyện tham gia, dừng hoặc tạm dừng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo văn bản thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
b. Nhận chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Nghị định 85/2026/NĐ-CP.
c. Được áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập được chi trả từ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; được trừ khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.
d. Theo dõi và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo văn bản thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.
e. Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định 85/2026/NĐ-CP. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc người sử dụng lao động cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.
f. Được bảo mật thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.
g. Được lựa chọn nhận chi trả (tất toán tài khoản hưu trí cá nhân), duy trì hợp đồng bảo hiểm hưu trí bổ sung trong thời gian tối đa không quá 01 năm hoặc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác sau khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc khi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Nghị định 85/2026/NĐ-CP.
h. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.
i. Được chỉ định người thừa kế theo thứ tự quy định của Bộ luật Dân sự tại văn bản thỏa thuận hoặc trong phiếu đăng ký tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung để hưởng chi trả từ quỹ hưu trí.

13.2. Nghĩa vụ của Người lao động

a. Tiếp cận đầy đủ tài liệu giới thiệu về Quỹ, nội dung công bố thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ; hiểu rõ về chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các rủi ro có thể phát sinh khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung; nắm rõ chính sách thuế đối với Người Sử Dụng Lao Động và Người Lao Động; tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định tham gia của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung. Nhà Nước không đảm bảo về kết quả đầu tư và mức chi trả của Quỹ.
b. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ và Văn Bản Thỏa Thuận, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;
c. Khi tham gia vào Quỹ, Người Lao Động đồng ý với các nội dung của Điều Lệ, Tài liệu giới thiệu Quỹ; ủy quyền cho Người Sử Dụng Lao Động ký kết hợp đồng tham gia vào Quỹ và thực hiện các công việc khác theo nội dung ủy quyền tại Văn bản thỏa thuận;
d. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

14.1. Quyền của người sử dụng lao động:

a. Được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung của người sử dụng lao động cho người lao động theo mức quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Thỏa thuận với người lao động để điều chỉnh văn bản thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung ký giữa người sử dụng lao động và người lao động. Quy trình điều chỉnh các nội dung của văn bản thỏa thuận phải được quy định tại văn bản thỏa thuận về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

c. Được cung cấp đầy đủ tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí theo quy định tại Điều 27 Nghị định 85/2026/NĐ-CP. Hằng tháng được doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí cung cấp thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung; được yêu cầu doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí xác nhận thông tin về việc tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

d. Nhận hoàn trả từ doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí đối với phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi các chi phí liên quan khi người lao động không đáp ứng các điều kiện được hưởng, hoặc đối với phần đóng góp mà người lao động không được hưởng theo tỷ lệ hưởng, quy định tại văn bản thỏa thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động.

e. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.

14.2. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động:

a. Đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung phần trách nhiệm đóng góp của mình theo đúng quy định tại văn bản thoả thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

b. Đóng bảo hiểm hưu trí bổ sung phần người lao động uỷ thác cho người sử dụng lao động đóng hộ theo quy định tại văn bản thoả thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí;

c. Đảm bảo tách biệt phần đóng góp của người sử dụng lao động và phần người lao động uỷ thác cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có);

d. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại văn bản thoả thuận ký giữa người sử dụng lao động và người lao động khi tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung đã đăng ký với doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và Điều lệ quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung đăng ký tham gia.

e. Cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến người sử dụng lao động, người lao động, các thông tin để xác định thời gian tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và các thông tin khác cho doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí.

Điều 15. Sổ đăng ký Người tham gia quỹ

15.1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký Người tham gia quỹ. Sổ đăng ký Người tham gia Quỹ hưu trí có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký Người tham gia quỹ phải có các nội dung sau:

a. Tên đầy đủ của Quỹ hưu trí;

b. Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

c. Thông tin Người tham gia quỹ:

- Họ và tên của Người tham gia quỹ; số định danh cá nhân/số thẻ căn cước/số hộ chiếu (đối với người không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có); thông tin người thừa kế được chỉ định (nếu có) theo điểm i khoản 1 Điều 8 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;
- Thông tin Người sử dụng lao động: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; thông tin Người đại diện pháp luật và người được uỷ quyền (nếu có) gồm họ và tên, số định danh cá nhân/số thẻ căn cước/số hộ chiếu (đối với người không mang quốc tịch Việt Nam) còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email;

d. Số tài khoản hưu trí cá nhân;

e. Số lượng và tỷ lệ sở hữu đơn vị quỹ, ngày đăng ký sở hữu đơn vị quỹ (vào Sổ chính), trong đó theo dõi riêng số đơn vị quỹ hình thành từ phần đóng góp của người sử dụng lao động và của người lao động;

f. Ngày lập Sổ đăng ký Người tham gia quỹ.

15.2. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Người tham gia quỹ. Thông tin về tài sản của Người tham gia quỹ trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Người tham gia quỹ. Quyền sở hữu của Người tham gia quỹ được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Người tham gia quỹ được cập nhật tại Sổ chính.

15.3. Sổ đăng ký Người tham gia quỹ được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG IV
CƠ CHẾ GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ, THAY ĐỔI QUỸ HƯU TRÍ

Điều 16. Giao dịch đơn vị quỹ

16.1. Công ty quản lý quỹ hưu trí phải tổ chức giao dịch cho người tham gia Quỹ. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ. Lần giao dịch đầu tiên của Quỹ hưu trí được tổ chức không chậm hơn chín mươi (90) ngày kể từ ngày thành lập Quỹ.

16.2. Quỹ tổ chức giao dịch định kỳ tối thiểu một (01) lần trong một (01) tháng; ngày giao dịch cụ thể được quy định tại Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Nếu ngày giao dịch định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ, công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch kế tiếp và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của công ty quản lý quỹ.

16.3. Đăng ký tham gia Chương trình hưu trí, đăng ký đóng góp và/hoặc thay đổi thông tin đóng góp. Đăng ký tham gia hoặc thay đổi thông tin đóng góp nhận được sau thời điểm

chốt danh sách của kỳ giao dịch sẽ không được áp dụng trong kỳ giao dịch hiện tại. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm cập nhật thông tin vào hệ thống để áp dụng từ kỳ giao dịch tiếp theo.

16.4. Mức đóng góp của Người tham gia Quỹ phải đáp ứng mức đóng góp tối thiểu (nếu có) theo quy định tại Văn bản thỏa thuận và Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí. Việc chi trả chỉ được thực hiện khi Người tham gia Quỹ đáp ứng các điều kiện chi trả theo quy định tại Văn bản thỏa thuận, Điều lệ, Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí và quy định pháp luật. Việc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân được thực hiện theo quy định về chuyển tài khoản hưu trí cá nhân tại Điều này.

16.5. Phương thức tham gia đóng góp vào Chương trình hưu trí:

Tham gia đóng góp thông qua người sử dụng lao động: Căn cứ trên các điều khoản tại văn bản thoả thuận và Hợp đồng tham gia chương trình hưu trí, người sử dụng lao động chuyển tiền đóng góp vào quỹ, bao gồm số tiền trách nhiệm đóng góp của người sử dụng lao động và số tiền người lao động uỷ quyền cho người sử dụng lao động đóng hộ (nếu có). Người sử dụng lao động có trách nhiệm đăng ký và thông báo cho Công ty quản lý quỹ về danh sách Người tham gia Quỹ, số tiền đóng góp vào từng tài khoản hưu trí cá nhân và các thông tin liên quan theo thời hạn, phương thức quy định tại Hợp đồng tham gia Chương trình hưu trí, Điều lệ này và Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí.

16.6. Số lượng đơn vị quỹ được phân phối tại ngày giao dịch vào tài khoản hưu trí cá nhân được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng đơn vị quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đóng góp được phân bổ vào quỹ x (1- Giá dịch vụ đóng góp (\%))}}{\text{NAV trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$

- Số lượng đơn vị quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Khoản đóng góp được phân bổ vào Quỹ bao gồm khoản đóng góp lần đầu, khoản đóng góp định kỳ và khoản đóng góp bổ sung của Người tham gia Quỹ theo danh sách và thông tin đóng góp do Người sử dụng lao động đăng ký, cập nhật và chốt cho từng kỳ giao dịch.
- Quy trình, thủ tục đóng góp lần đầu, định kỳ và bổ sung; thời hạn đăng ký, cập nhật thông tin đóng góp; và cách thức xử lý trường hợp số tiền đóng góp thực tế ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đóng góp đã đăng ký được thực hiện theo quy định tại Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí và quy trình nghiệp vụ của Công ty quản lý quỹ.
- Sau khi thực hiện phân bổ kết quả giao dịch, công ty quản lý quỹ sẽ thông báo kết quả giao dịch cho người tham gia quỹ.
- Mức đóng góp, tần suất đóng góp (hàng tháng, hàng quý hoặc tần suất khác) và thời gian chuyển tiền đóng góp được xác định theo Văn bản thỏa thuận giữa Người sử dụng lao động và Người lao động và Hợp đồng tham gia Chương trình.

16.7. Chi trả từ Quỹ hưu trí:

a. Nguyên tắc chi trả từ Quỹ hưu trí:

- Số tiền chi trả từ Quỹ phụ thuộc vào giá trị tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm nhận chi trả, quy định về chi trả tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và quy định tại văn bản thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.
- Người tham gia quỹ nhận chi trả từ Quỹ tương ứng số dư tài khoản hưu trí cá nhân được lựa chọn nhận chi trả theo chế độ hàng tháng, một lần hoặc kết hợp giữa nhận chi trả một lần và nhận chi trả hàng tháng.
- Trường hợp Người tham gia quỹ nhận chi trả khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật: Người tham gia quỹ được lựa chọn nhận chi trả một lần (tất toán tài khoản hưu trí cá nhân), nhận chi trả hàng tháng hoặc kết hợp giữa nhận chi trả một lần và nhận chi trả hàng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Trường hợp lựa chọn nhận chi trả hàng tháng, mức chi trả và thời gian nhận chi trả do Người tham gia quỹ đăng ký theo Hợp đồng tham gia Chương trình và Văn bản thỏa thuận; Người tham gia quỹ được đăng ký thay đổi mức chi trả hoặc nhận chi trả một lần phần giá trị còn lại của tài khoản hưu trí cá nhân tại các kỳ giao dịch tiếp theo.

b. Chi trả cho người tham gia Quỹ

- Khi người tham gia quỹ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, có thể đăng ký kế hoạch nhận chi trả từ tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định tại hợp đồng tham gia Quỹ hưu trí và văn bản thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc tham gia quỹ hưu trí.
- Khi người lao động không đáp ứng các điều kiện tại văn bản thoả thuận đã ký giữa người sử dụng lao động và người lao động về việc tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung, hoặc chỉ được hưởng một phần theo tỷ lệ hưởng quy định tại văn bản thỏa thuận, người sử dụng lao động được nhận lại phần đóng góp của mình mà người lao động không được hưởng và kết quả đầu tư từ phần đóng góp này sau khi trừ đi chi phí liên quan đã phân bổ, theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và văn bản thỏa thuận. Người sử dụng lao động có trách nhiệm kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với khoản hoàn trả theo quy định của pháp luật về thuế.
- Trường hợp người sử dụng lao động có điều kiện về thời gian làm việc tối thiểu của người lao động để được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động thì thời gian tối thiểu này không quá 05 năm.
- Người lao động được hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động và kết quả đầu tư từ khoản đóng góp khi bị tử vong; đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS; có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, là người khuyết tật đặc biệt nặng; hoặc là người nước ngoài không tiếp tục cư trú tại Việt Nam hoặc có giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề, giấy phép hành nghề hết hiệu lực mà không được gia hạn, theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Hồ sơ tài liệu xác nhận các trường hợp bất khả kháng nêu trên bao gồm: (a) Đối với trường hợp mắc bệnh: Quyết định về việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần do cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành; hoặc bệnh án, kết luận giám định theo quy định của pháp luật về

bảo hiểm xã hội đối với hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội một lần; (b) Đối với suy giảm khả năng lao động: Quyết định về việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần do cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành; hoặc văn bản giám định sức khỏe của Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; (c) Đối với người lao động là công dân nước ngoài: văn bản chấm dứt hợp đồng lao động kèm giấy tờ xác nhận giấy phép lao động/chứng chỉ, giấy phép hành nghề hết hiệu lực và không được gia hạn, hoặc tài liệu chứng minh không còn cư trú tại Việt Nam. (d) Đối với trường hợp tử vong: trích lục khai tử và giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp.

- Chương trình hưu trí được thực hiện thông qua Quỹ hưu trí nhằm mục đích bổ sung thu nhập cho người tham gia quỹ khi đến tuổi về hưu. Số dư tài khoản hưu trí không được sử dụng để chuyển nhượng (cho, biếu, tặng), cầm cố.
- Việc chi trả được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản của quỹ đến tài khoản của người tham gia quỹ bằng tiền Việt Nam Đồng. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch này do người tham gia Quỹ chịu.
- Số tiền chi trả cho người tham gia Quỹ được tính theo công thức sau:
  Giá trị chi trả = Số lượng đơn vị quỹ đăng ký chi trả x NAV trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch x (1- Phí chi trả đột xuất (%)) – Thuế thu nhập cá nhân phải khấu trừ (nếu có)
- Công ty Quản lý Quỹ công bố và cập nhật Quy trình chi trả cho người tham gia Quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và thông tin đầy đủ cho Người tham gia Quỹ.

16.8. Chuyển tài khoản hưu trí cá nhân

a. Người tham gia Quỹ được chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí bổ sung do cùng Công ty Quản lý Quỹ quản lý khi Công ty Quản lý Quỹ quản lý từ 02 (hai) quỹ hưu trí bổ sung trở lên hoặc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác theo quy định pháp luật.
b. Việc chuyển đổi được thực hiện phương thức tất toán tài khoản hưu trí cá nhân thành tiền và chuyển toàn bộ khoản tiền này sang chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung mới. Việc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân giữa các chương trình không được coi là chi trả từ quỹ hưu trí.
c. Công ty Quản lý Quỹ công bố và cập nhật các quy định, thủ tục liên quan đến việc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và thông tin đầy đủ cho Người tham gia Quỹ.

16.9. Thừa kế

- Việc thừa kế đơn vị quỹ hưu trí phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Người tham gia quỹ/người nhận thừa kế có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tạm dừng giao dịch của Quỹ hưu trí

17.1. Quỹ hưu trí có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc thanh toán hưu trí do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá do Sở giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
- Việc tạm dừng giao dịch là cần thiết vì lý do kỹ thuật hoặc lý do khác yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Tổ Chức Lưu Ký Tài Sản hoặc Tổ Chức Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ;
- Các sự kiện khác mà cơ quan quản lý nhà nước xét thấy là cần thiết.

17.2. Công ty quản lý quỹ phải thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ đồng thời thông báo cho Ngân hàng giám sát, Người sử dụng lao động trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 17.1 Điều này và phải tiếp tục thực hiện giao dịch ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.

Điều 18. Giá dịch vụ tham gia đóng góp, phí chi trả đột xuất, giá dịch vụ chuyển đổi

18.1. Giá dịch vụ tham gia đóng góp là số tiền dịch vụ mà người tham gia quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi tham gia đóng góp vào quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền tham gia đóng góp tại các kỳ giao dịch). Mức giá dịch vụ tham gia đóng góp, giá dịch vụ chuyển đổi áp dụng cụ thể (bao gồm mức 0%) được quy định tại Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí và Hợp đồng tham gia Chương trình.

18.2. Phí chi trả đột xuất là khoản phí được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền chi trả cho người lao động, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị nhận chi trả. Ngoại trừ các trường hợp chi trả bất khả kháng quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP và chi trả khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 16 Nghị định 85/2026/NĐ-CP, trường hợp người lao động nhận chi trả trước khi đến tuổi về hưu thì quỹ hưu trí được thu phí chi trả đột xuất, mức phí tối đa bằng 5% giá trị nhận chi trả. Phí chi trả đột xuất được bổ sung vào nguồn thu của quỹ hưu trí và phân bổ vào tài khoản hưu trí cá nhân của từng người tham gia quỹ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

18.3. Giá dịch vụ chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị chuyển đổi.

18.4. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử (website) về các khoản chi phí áp dụng chung cho Đối tượng tham gia Quỹ.

CHƯƠNG V
LẤY Ý KIẾN NGƯỜI THAM GIA QUỸ

Điều 19. Lấy ý kiến người tham gia quỹ

19.1. Trong các trường hợp cần lấy ý kiến người tham gia quỹ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ. Việc lấy ý kiến

người tham gia quỹ có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử. Công ty quản lý quỹ thông báo quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).

19.2. Tất cả các người tham gia quỹ có tên trong Danh sách đăng ký người tham gia quỹ trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham gia việc lấy ý kiến.

19.3. Chi phí lấy ý kiến người tham gia quỹ sẽ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ và do Quỹ thanh toán.

Điều 20. Các trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ

20.1. Điều lệ Quỹ có thay đổi, bổ sung ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của Người tham gia quỹ.

20.2. Tăng mức giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ trả cho ngân hàng giám sát;

20.3. Thay đổi chính sách đầu tư của quỹ;

20.4. Thay đổi ngân hàng giám sát theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ, trừ các trường hợp ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ theo khoản 41.1 Điều 41 Điều lệ này hoặc phải thay đổi theo khoản 5 Điều 9 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

20.5. Đề nghị Công ty quản lý quỹ bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ thuộc trường hợp quy định tại khoản 28.2 Điều 28 Điều lệ này.

Điều 21. Điều kiện, thể thức lấy ý kiến người tham gia quỹ

21.1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến lấy ý kiến người tham gia quỹ phải được công bố cho người tham gia quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành lấy ý kiến. Thông báo lấy ý kiến được gửi bằng phương thức bảo đảm hoặc gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của Người tham gia quỹ hoặc Người sử dụng lao động.

21.2. Người tham gia có thể trực tiếp tham dự cuộc họp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc các hình thức khác. Người sử dụng lao động chỉ được thay mặt Người lao động tham dự, biểu quyết hoặc cho ý kiến khi được Người lao động ủy quyền cụ thể tại Văn bản thỏa thuận hoặc văn bản ủy quyền riêng. Người sử dụng lao động là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Công ty quản lý quỹ với tư cách người sử dụng lao động không được thay mặt Người lao động biểu quyết đối với các vấn đề quy định tại khoản 20.2, khoản 20.4 Điều 20 Điều lệ này và các vấn đề khác mà Công ty quản lý quỹ có lợi ích liên quan; đối với các vấn đề này, Người lao động trực tiếp biểu quyết hoặc ủy quyền cho người không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ.

21.3. Cuộc họp người tham gia được tiến hành khi có số người tham dự đại diện cho trên 50% tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

21.4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 21.3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể

từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định được tổ chức. Trong trường hợp này, cuộc họp người tham gia quỹ được tiến hành không phụ thuộc vào số người tham gia tham dự.

21.5. Việc lấy ý kiến người tham gia quỹ sẽ do Đại diện công ty quản lý quỹ chủ trì.

21.6. Tất cả việc lấy ý kiến của người tham gia quỹ phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

21.7. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Người tham gia quỹ bằng văn bản:

a. Công ty quản lý quỹ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Người tham gia quỹ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Tên Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số định danh cá nhân/hộ chiếu/chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người tham gia quỹ; tên, số giấy phép thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính của Người sử dụng lao động là người nhận uỷ quyền của Người lao động;
- Số lượng đơn vị quỹ sở hữu hoặc được nhận uỷ quyền;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến";
- Thời hạn gửi phiếu ý kiến đã được trả lời về Công ty quản lý quỹ;
- Họ, tên, chữ ký người đại diện theo pháp luật/người được uỷ quyền hợp lệ của Công ty quản lý quỹ;
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của người tham gia quỹ hoặc của Người sử dụng lao động được uỷ quyền của Người lao động.

b. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về Công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi thư, gửi thư điện tử từ địa chỉ đã đăng ký của người tham gia quỹ/người sử dụng lao động, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu ý kiến gửi về sau thời hạn đã quy định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong các trường hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

c. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công ty quản lý quỹ;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số người tham gia với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó có số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
- Tổng số phiếu "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến" đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua.

d. Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

f. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp người tham gia quỹ.

Điều 22. Quyết định của người tham gia quỹ

22.1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, công ty kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham dự việc lấy ý kiến người tham gia quỹ nhưng không được biểu quyết, trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ biểu quyết với tư cách người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 21.2 Điều 21 Điều lệ này.

22.2. Quyết định của việc lấy ý kiến người tham gia quỹ dưới tất cả hình thức được thông qua khi được số người tham gia quỹ đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số đơn vị quỹ của các người tham gia quỹ tham gia việc lấy ý kiến tán thành.

22.3. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của người tham gia quỹ tại các lần lấy ý kiến là phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

22.4. Trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ sau khi thông qua quyết định của người tham gia quỹ hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng văn bản theo quy định tại khoản 21.7 Điều 21 Điều lệ này, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến người tham gia quỹ bằng văn bản) và Nghị quyết gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho người tham gia quỹ hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

22.5. Những quyết định của người tham gia quỹ tại các lần lấy ý kiến được thông qua không phù hợp với Điều này sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy, đồng thời Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho người tham gia quỹ về việc Nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

CHƯƠNG VI
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 23. Ban Đại diện Quỹ

23.1. Cơ cấu Ban đại diện Quỹ: Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến bảy (07) thành viên.

23.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, mời tham gia, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp trong một hoặc một số lĩnh vực tài chính, đầu tư, kế toán, kiểm toán hoặc pháp luật.

23.3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể tham gia trong các nhiệm kỳ kế tiếp.

23.4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc một hình thức khác (qua email, trực tuyến...). Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

23.5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 23.1 Điều này và Điều 24 Điều lệ này. Trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại Điều 24 Điều lệ này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi có thành viên thay thế.

23.6. Trường hợp pháp luật có quy định, Công ty Quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện.

23.7. Trong thời gian Ban đại diện Quỹ chưa được thành lập hoặc không đủ số lượng thành viên tối thiểu, các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ban đại diện Quỹ theo Điều lệ này do Công ty quản lý quỹ quyết định như sau:

a. Quy chế xác định giá trị tài sản ròng và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng tại Phụ lục 4: Công ty quản lý quỹ quyết định sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận;

b. Danh sách tổ chức cung cấp báo giá và các nội dung khác: Công ty quản lý quỹ quyết định.

Các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này được báo cáo Ban đại diện Quỹ tại cuộc họp đầu tiên.

Điều 24. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

24.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

24.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định tại khoản 23.2 Điều 23 Điều lệ này và không nhất thiết phải là Người tham gia quỹ.

24.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

25.1. Đại diện cho quyền lợi của người tham gia quỹ; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Quỹ đã được người tham gia quỹ thông qua để bảo vệ quyền lợi của người tham gia quỹ.

25.2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa các thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ.

25.3. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý quỹ, thường xuyên kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài sản của Công ty Quản lý quỹ.

25.4. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

25.5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.

25.6. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; được báo cáo danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ do Công ty quản lý quỹ quyết định theo điểm h khoản 33.2 Điều 33 Điều lệ này.

25.7. Kiến nghị thay đổi Ngân hàng giám sát.

25.8. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ quỹ và tuân thủ đúng pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó, thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

25.9. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp.

25.10. Thực hiện các nghị quyết của người tham gia quỹ và các quyết định của Ban đại diện Quỹ.

25.11. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.

25.12. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và điều lệ quỹ.

25.13. Thành viên Ban đại diện Quỹ được hưởng thù lao theo mức do Hội đồng thành viên Công ty quản lý quỹ quyết định và được thông báo cho người tham gia quỹ. Thù lao được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ theo Điều 62 Điều lệ này và nằm trong mức trần tổng chi phí của Quỹ mà Công ty quản lý quỹ đã cam kết với người sử dụng lao động (nếu có).

Điều 26. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

26.1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ được Công ty quản lý Quỹ mời đảm nhiệm trong số thành viên Ban đại diện.

26.2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;

b. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

c. Ban hành Thông báo việc đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên quy định tại khoản 28.1 Điều 28 của Điều lệ này.

Điều 27. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

27.1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.

27.2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi có thành viên thay thế.

Điều 28. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

28.1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

a. Bị khởi tố hoặc truy tố.

b. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết; trường hợp mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự.

c. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

d. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.

28.2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:

a. Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;

b. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong chín (09) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ;

d. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;

e. Thực hiện hành vi trái đạo đức xã hội hoặc bị xã hội lên án, gây ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của Quỹ hoặc Công ty Quản lý quỹ.

Điều 29. Triệu tập họp Ban đại diện Quỹ

29.1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ họp theo đề nghị của Công ty Quản lý quỹ, để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

29.2. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp bất thường trong trường hợp sau đây:

a. Ban đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ xét thấy cần thiết vì lợi ích của Quỹ;

b. Số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này;

c. Người tham gia quỹ hoặc Nhóm người tham gia quỹ trong trường hợp Ban đại diện quỹ vi phạm nghiêm trọng quyền của người tham gia quỹ, nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

d. Theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

29.3. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Ban đại diện Quỹ trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại như quy định tại điểm b khoản 29.2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 29.2 Điều này.

29.4. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Ban đại diện Quỹ sẽ được Quỹ chi trả.

29.5. Trong trường hợp Ban Đại diện Quỹ xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp bất thường để quyết định khẩn cấp một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có thể tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ban đại diện Quỹ bằng văn bản. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải làm các công việc sau:

a. Quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến, hình thức và nội dung, phiếu hỏi ý kiến. Phiếu hỏi ý kiến phải có những nội dung sau:

i. Tên Quỹ;

ii. Lý do hỏi ý kiến;

iii. Vấn đề cần hỏi ý kiến và danh mục tài liệu bổ trợ được gửi kèm theo phiếu hỏi ý kiến;

iv. Lựa chọn biểu quyết gồm: "tán thành", "không tán thành" và " không có ý kiến", và;

v. Thời hạn cuối cùng mà các thành viên Ban Đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời.

b. Gửi phiếu hỏi ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ.

c. Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu; và Thông báo bằng văn bản về kết quả hỏi ý kiến và các quyết định được thông qua đến tất cả các thành viên Ban đại diện Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn mà các thành viên Ban đại diện Quỹ phải gửi ý kiến trả lời của họ. Trong trường hợp các thành viên Ban đại diện Quỹ không gửi văn bản trả lời hoặc gửi văn bản trả lời không đúng thời hạn quy định thì được coi như là đã biểu quyết "không có ý kiến".

Điều 30. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Ban đại diện Quỹ

30.1. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ba (03) ngày.

30.2. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp. Mỗi thành viên ban đại diện có một (01) phiếu khi biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác (qua email/fax/điện thoại…). Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác (qua email/fax/điện thoại…).

30.3. Ban đại diện Quỹ họp định kỳ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm của Quỹ đã được kiểm toán trước khi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và gửi cơ quan có thẩm quyền;

b. Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Quỹ;

c. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

30.4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

30.5. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được lập biên bản; việc lập, ký và lưu giữ biên bản được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều 31. Biên bản họp Ban Đại diện Quỹ

Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban đại diện Quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ.

CHƯƠNG VII
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 32. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

32.1. Được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;

32.2. Độc lập với Ngân hàng Giám Sát;

32.3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để Quản lý Quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung;

32.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

33.1. Nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

a. Thành lập, đầu tư và quản lý Quỹ theo quy định pháp luật, là đại diện thay mặt Quỹ thực hiện quản lý, đầu tư, ký kết các hợp đồng, tài liệu cho Quỹ;
b. Xây dựng và ban hành Điều lệ Quỹ cho Quỹ được thành lập;
c. Lựa chọn và ký Hợp đồng với Tổ chức Lưu ký Tài sản, Ngân hàng Giám Sát, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) để tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm hưu trí;
d. Quyết định việc đầu tư của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật;
e. Thực hiện kế toán quỹ hưu trí hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ hưu trí theo quy định pháp luật;
f. Thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân hoặc ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật;
g. Chuyển đổi tài khoản hưu trí cá nhân giữa các quỹ hưu trí quản lý bởi cùng Công ty quản lý quỹ (nếu có) và chuyển tài khoản hưu trí cá nhân đang quản lý sang doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác theo quy định pháp luật;
h. Thực hiện công bố thông tin, hạch toán, kế toán và báo cáo theo quy định pháp luật;
i. Đền bù thiệt hại cho người tham gia quỹ (nếu có) theo quy định pháp luật;

j. Quản trị xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông lớn, bên liên quan và người tham gia quỹ hưu trí;

k. Tạm dừng thành lập quỹ mới trong vòng hai (02) năm và thực hiện công bố thông tin khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá có vi phạm trong việc quản lý, triển khai quỹ hưu trí theo quy định pháp luật;

l. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các cam kết quy định tại các Phụ lục của Điều lệ này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

33.2. Quyền của công ty quản lý quỹ

a. Xây dựng và ban hành các chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung phù hợp với yêu cầu quản lý và nhu cầu của các đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định pháp luật;

b. Quyết định về số lượng quỹ hưu trí và chính sách đầu tư quỹ hưu trí theo quy định tại Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;

c. Được lựa chọn và ký Hợp đồng với Tổ chức Lưu ký Tài sản, Ngân hàng Giám Sát, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) để tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm hưu trí theo quy định của pháp luật;

d. Được từ chối việc tham gia đóng góp vào Quỹ của những cá nhân, tổ chức không được phép đóng góp vào Quỹ theo quy định của pháp luật;

e. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;

f. Được chi trả chi phí tổ chức và hoạt động quản lý bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định tại Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;

g. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật;

h. Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật; quyết định danh sách tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu hoặc chứng chỉ tiền gửi và báo cáo Ban đại diện Quỹ;

i. Được tham gia đóng góp vào Quỹ với tư cách là Người sử dụng lao động theo các phương thức quy định tại Điều lệ này cho Người lao động của mình;

j. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 34. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

34.1. Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Theo quyết định của người tham gia quỹ thông qua việc lấy ý kiến theo quy định tại Chương V Điều lệ này;

b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc Giấy chứng nhận này hết hiệu lực theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Bộ Tài chính chỉ định doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí khác tiếp nhận việc quản lý Quỹ; người tham gia quỹ được lựa

chọn tiếp tục tham gia Quỹ do doanh nghiệp được chỉ định quản lý hoặc chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác theo quy định của pháp luật;

c. Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty Quản lý Quỹ khác dẫn đến bị chấm dứt hoạt động;

d. Quỹ bị giải thể theo quy định tại Điều 63 Điều lệ này.

34.2. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 34.1 Điều này, trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ theo quy định tại Chương V Điều lệ này về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ và lựa chọn doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí kế nhiệm.

34.3. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 34.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ chỉ chấm dứt từ thời điểm Công ty Quản lý Quỹ hoàn tất việc bàn giao công việc quản lý cho Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm. Việc bàn giao công việc quản lý giữa hai Công ty Quản lý Quỹ phải được lập thành văn bản và có xác nhận của Ban Đại Diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát và Công ty Quản lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật. Công ty Quản lý Quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu các nghĩa vụ chưa thực hiện (nếu có) đối với Quỹ.

34.4. Việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm chỉ được tiến hành sau khi đã được người tham gia quỹ lựa chọn và thông qua theo quy định tại Chương V Điều lệ này, trừ trường hợp doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tiếp nhận do Bộ Tài chính chỉ định theo điểm b khoản 34.1 Điều này. Công ty Quản lý Quỹ kế nhiệm phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC LƯU KÝ TÀI SẢN

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổ chức lưu ký tài sản

Tổ chức lưu ký tài sản được chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

35.1. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

35.2. Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của tổ chức lưu ký tài sản theo quy định của pháp luật.

35.3. Không là người có liên quan với Công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký tài sản

36.1. Nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký tài sản

a. Thực hiện lưu ký tài sản Quỹ theo hợp đồng đã ký kết với Công ty quản lý quỹ.

b. Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, hoạt động thu, chi, thanh toán, chuyển giao tiền, chứng khoán theo yêu cầu bằng văn bản được cấp có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ phê duyệt. Giao dịch về chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản cho từng đối tác giao dịch, từng tài khoản của Quỹ đều phải thực hiện đúng. Giá trị thanh toán phải

phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.

c. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ.

d. Đảm bảo quản lý tách biệt tài sản của quỹ hưu trí theo từng quỹ và quản lý tách biệt với tài sản của tổ chức lưu ký tài sản. Các giao dịch cho quỹ hưu trí trên tài khoản của tổ chức lưu ký tài sản, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác phải được xác định, ghi nhận thuộc về quỹ hưu trí.

e. Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nếu có) để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ liên quan đến Quỹ

f. Tổ chức lưu ký tài sản chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ hưu trí trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ hưu trí đã lưu ký tại tổ chức lưu ký tài sản theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký kết với Công ty quản lý quỹ, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của tổ chức lưu ký, hoặc do sự không cẩn trọng của tổ chức lưu ký tài sản. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và hợp đồng đã ký kết.

g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng đã ký kết với Công ty quản lý quỹ và theo Điều lệ này.

36.2. Quyền của Tổ chức lưu ký tài sản

a. Được hưởng các loại giá dịch vụ lưu ký theo Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Các quyền khác theo quy định pháp luật, hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ và theo Điều lệ này.

36.3. Tài sản của Quỹ được lưu ký tại Tổ chức lưu ký tài sản là tài sản thuộc sở hữu của đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung. Tổ chức lưu ký tài sản không được sử dụng tài sản của Quỹ để thanh toán, bảo lãnh thanh toán cho các khoản nợ của mình hoặc cho bên thứ ba.

36.4. Trường hợp Tổ chức lưu ký tài sản đồng thời là Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ của Quỹ, việc thực hiện chức năng lưu ký tài sản phải được tách biệt về tổ chức, nhân sự và hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng với các bộ phận thực hiện chức năng giám sát, quản trị, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, quản trị tài khoản hưu trí cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Quy trình lựa chọn và thay đổi tổ chức lưu ký tài sản

37.1. Quy trình lựa chọn ban đầu: Công ty quản lý quỹ lựa chọn tổ chức lưu ký tài sản đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 35 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật. Công ty quản lý quỹ ký hợp đồng và công bố thông tin về tổ chức lưu ký tài sản này trên trang thông tin điện tử của mình; thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định.

37.2. Tổ chức lưu ký tài sản bị thay đổi trong các trường hợp sau:

a. Tổ chức lưu ký tài sản bị chia, tách, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân;
b. Tổ chức lưu ký tài sản không còn đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này;
c. Tổ chức lưu ký tài sản vi phạm hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng đã ký kết với Công ty quản lý quỹ;
d. Theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

37.3. Trường hợp Tổ chức lưu ký tài sản không còn đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ quy định tại điểm b khoản 37.2 Điều này, trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ, Tổ chức lưu ký tài sản phải thông báo bằng văn bản cho Công ty quản lý quỹ và Bộ Tài chính.

37.4. Khi Công ty quản lý quỹ thay đổi Tổ chức lưu ký tài sản theo quy định tại khoản 37.2 Điều này, Tổ chức lưu ký tài sản có trách nhiệm hoàn tất việc bàn giao toàn bộ tài sản, hồ sơ, chứng từ liên quan đến quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung cho Tổ chức lưu ký tài sản thay thế trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo về việc thay đổi Tổ chức lưu ký tài sản. Việc bàn giao phải có xác nhận của Công ty quản lý quỹ. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung của Tổ chức lưu ký tài sản chấm dứt kể từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao toàn bộ tài sản, hồ sơ, chứng từ cho Tổ chức lưu ký tài sản thay thế.

37.5. Công ty quản lý quỹ phải công khai thông tin về Tổ chức lưu ký tài sản mới trên trang thông tin điện tử, đồng thời gửi Bộ Tài chính biên bản bàn giao giữa hai tổ chức lưu ký tài sản có xác nhận của Công ty quản lý quỹ. Công ty quản lý quỹ báo cáo cho Bộ Tài chính trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi về Tổ chức lưu ký tài sản của quỹ.

37.6. Trường hợp Tổ chức lưu ký tài sản chuyển đổi tư cách pháp nhân, tổ chức mới có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Tổ chức lưu ký tài sản cũ.

CHƯƠNG IX
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

38.1. Ngân hàng Giám Sát do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:
a. Ngân hàng Giám Sát là ngân hàng thương mại được phép thực hiện nghiệp vụ ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật chứng khoán theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;
b. Không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ.
c. Đáp ứng đầy đủ điều kiện về nhân sự, năng lực, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các nghĩa vụ của ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật.

38.2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

39.1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các người tham gia quỹ;
b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
d. Cung cấp các dịch vụ giám sát của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
e. Giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ với tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
f. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, các giao dịch của quỹ hưu trí và tài khoản hưu trí cá nhân theo quy định pháp luật và chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung;
g. Định kỳ 06 tháng rà soát quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng, phân bổ kết quả đầu tư và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân theo điểm b, c, d khoản 3 Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.
h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng đã ký kết với Công ty quản lý quỹ và theo Điều lệ này.

39.2. Quyền của ngân hàng giám sát

a. Được rà soát quy trình nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ;
b. Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, quy chế xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Người tham gia quỹ và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ;
c. Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí;
d. Được quyền tham gia việc lấy ý kiến người tham gia quỹ nhưng không được quyền biểu quyết;
e. Được quyền nhận phí cung cấp dịch vụ giám sát phù hợp với Hợp đồng Giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp luật.
f. Các quyền khác theo quy định pháp luật, hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ và theo Điều lệ này.

Điều 40. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

40.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a. Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Bộ Tài chính và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ khi phát hiện vi phạm, đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn quy định;

c. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

e. Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP và tại Điều lệ quỹ;

f. Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

40.2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính. Định kỳ 06 tháng, ngân hàng giám sát rà soát quy trình, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và phân bổ kết quả đầu tư theo từng tài khoản hưu trí cá nhân. Định kỳ hằng năm, ngân hàng giám sát báo cáo Bộ Tài chính về tài sản của quỹ hưu trí, kết quả giám sát, đánh giá về quản trị rủi ro và việc tuân thủ quy định.

40.3. Khi thực hiện xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Điều này, ngân hàng giám sát phải tách biệt về tổ chức nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử khách hàng giữa bộ phận thực hiện xác định giá trị tài sản ròng với bộ phận thực hiện chức năng giám sát và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng phải có nhân viên có chứng chỉ kế toán trưởng hoặc chứng chỉ kiểm toán hoặc kế toán hoặc các chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực kế toán ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants) hoặc bằng đại học trở lên chuyên ngành kế toán, kiểm toán theo khoản 4 Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

40.4. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

40.5. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

40.6. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, người tham gia quỹ, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, người tham gia quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho Quỹ, người tham gia quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

41.1. Ngân hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Ngân hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán;

b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân hàng Giám Sát;

c. Quỹ chấm dứt hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

d. Theo quyết định của người tham gia quỹ theo quy định tại Chương V Điều lệ này;

e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

41.2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 41.1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám Sát được chuyển giao cho Ngân hàng Giám sát khác. Ngân hàng Giám Sát chỉ chấm dứt hợp đồng sau khi đã hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cho Ngân hàng thay thế.

41.3. Trường hợp Ngân hàng Giám Sát chuyển đổi tư cách pháp nhân, Ngân hàng mới kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ đối với tài sản được lưu ký tại Ngân hàng cũ.

Điều 42. Quy trình lựa chọn và thay đổi ngân hàng giám sát

42.1. Quy trình lựa chọn ban đầu: Công ty quản lý quỹ lựa chọn ngân hàng giám sát đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 38 Điều lệ này và quy định của pháp luật. Công ty quản

lý quỹ ký hợp đồng và công bố thông tin về ngân hàng giám sát này trên trang thông tin điện tử của mình; thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định.

42.2. Quy trình thay đổi ngân hàng giám sát:

a. Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi ngân hàng giám sát khi: ngân hàng giám sát không còn đáp ứng điều kiện; vi phạm hợp đồng giám sát; bị cơ quan quản lý nhà nước phát hiện vi phạm; theo quyết định của người tham gia quỹ; các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

b. Công ty quản lý quỹ thông báo cho người tham gia quỹ, công bố thông tin về ngân hàng giám sát mới và báo cáo Bộ Tài chính trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

c. Trong thời gian chưa hoàn tất việc bàn giao, ngân hàng giám sát hiện tại tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát chỉ chấm dứt sau khi đã hoàn tất bàn giao cho ngân hàng giám sát thay thế; biên bản bàn giao được gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Công ty Quản lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ và dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân.

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

44.1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và tổ chức quản trị Quỹ.

44.2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

a. Tổ chức được lựa chọn làm Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải là một trong các tổ chức được quy định tại Điều 14 Nghị định 85/2026/NĐ-CP. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với người sử dụng lao động và Người tham gia quỹ, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Ngân hàng giám sát và Công ty Quản lý Quỹ, có tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Người tham gia quỹ, phù hợp với Pháp luật và chuẩn mực quốc tế.

b. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp luật.

c. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải tách biệt về nhân sự, hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng giữa bộ phận thực hiện quản trị tài khoản hưu trí cá nhân với các bộ phận thực hiện chức năng lưu ký tài sản, giám sát, quản trị, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí (nếu có).

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

45.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

45.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a. Đối với dịch vụ Quản trị quỹ hưu trí:

- Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
- Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
- Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn vị Quỹ dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký với Công ty Quản lý quỹ;

b. Dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

- Hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời toàn bộ hoạt động thu, chi của tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm đóng góp, phân bổ kết quả đầu tư, chi phí hoạt động quỹ hưu trí, chi trả hưu trí;
- Xây dựng và cập nhật quy trình, phương pháp phân bổ kết quả đầu tư và chi phí hoạt động quỹ hưu trí, xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân;
- Xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hằng tháng;
- Lập và gửi người tham gia quỹ báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng theo quy định tại Điều 28 Nghị định 85/2026/NĐ-CP;

45.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

45.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới người tham gia quỹ và đối tác của công ty quản lý quỹ.

45.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

46.1. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;

46.2. Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền;

46.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã Ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công ty quản lý quỹ và người tham gia quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này;

46.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

46.5. Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, Bộ Tài chính có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

46.6. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với Quỹ và người tham gia quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các khoản giá dịch vụ do Quỹ thanh toán trực tiếp cho bên nhận ủy quyền theo hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, hợp đồng quản trị quỹ, hợp đồng quản trị tài khoản hưu trí cá nhân và Điều lệ này. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động của Quỹ và quyền lợi của người tham gia quỹ;

46.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền để thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền, nghĩa vụ trong hoạt động ủy quyền;

46.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho Bộ Tài chính theo yêu cầu;

46.9. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại Điều 43 Điều lệ này, công ty quản lý quỹ thông báo cho Bộ Tài chính về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại Điều 44 Điều lệ này.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

47.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a. Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;

b. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;

c. Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;

d. Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;

e. Theo quyết định của người tham gia quỹ theo quy định tại Chương V Điều lệ này;

f. Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;

g. Quỹ bị giải thể;

47.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp luật và Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

Điều 48. Quy trình lựa chọn và thay đổi các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

48.1. Quy trình lựa chọn ban đầu: Công ty quản lý quỹ lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 44 Điều lệ này và quy định của pháp luật. Công ty quản lý quỹ ký hợp đồng và công bố thông tin về các tổ chức cung cấp dịch vụ này trên trang thông tin điện tử của mình; thông báo cho Bộ Tài chính theo quy định.

48.2. Quy trình thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác: Công ty quản lý quỹ thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác (tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, đại lý bảo hiểm hưu trí bổ sung...) theo các điều khoản tại hợp đồng đã ký và quy định pháp luật. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi về tổ chức cung cấp dịch vụ, Công ty quản lý quỹ thông báo cho người tham gia quỹ, công bố thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi Bộ Tài chính biên bản bàn giao giữa hai tổ chức cung cấp dịch vụ có xác nhận của Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XI
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 49. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chọn một công ty kiểm toán uy tín để kiểm toán hoạt động của Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

49.1. Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp.

49.2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.

49.3. Được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập.

49.4. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được thành lập cho đến hết ngày 31/12 cùng năm ngắn hơn 90 (chín mươi) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ cho đến hết ngày

31/12 của năm tiếp theo, bảo đảm không vượt quá mười lăm (15) tháng theo quy định tại Điều 12 Luật Kế toán.

Điều 51. Chế độ kế toán

Quỹ áp dụng chế độ kế toán đối với quỹ mở theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật kế toán. Quỹ cũng áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 52. Báo cáo tài chính

52.1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.

52.2. Báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán hàng năm bởi một Công ty Kiểm toán độc lập.

52.3. Các bản sao của báo cáo kiểm toán được công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Người Tham Gia Quỹ, Người Sử Dụng Lao Động có thể tham khảo.

52.4. Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính.

Điều 53. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về công bố thông tin và báo cáo hoạt động của Quỹ bao gồm:

53.1. Báo cáo giá trị tài khoản hưu trí cá nhân hàng tháng: Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc tháng, doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí hoặc Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân theo hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ phải gửi báo cáo về số dư tài khoản hưu trí cá nhân cho người tham gia quỹ. Nội dung báo cáo bao gồm: số tiền đóng góp vào tài khoản hưu trí cá nhân trong tháng và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo; số tiền rút ra, chuyển đổi tài khoản và lũy kế đến thời điểm lập báo cáo; giá trị tích lũy của tài khoản hưu trí cá nhân tại thời điểm đầu kỳ báo cáo và tại thời điểm lập báo cáo sau khi đã phân bổ kết quả đầu tư và trừ đi chi phí có liên quan, theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;

53.2. Báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm gửi Bộ Tài chính (trong vòng 03 tháng sau khi kết thúc kỳ báo cáo) bao gồm: báo cáo tài chính năm đã kiểm toán; báo cáo hoạt động quản lý quỹ; báo cáo về tài sản của quỹ; báo cáo về hoạt động đầu tư; báo cáo quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ; báo cáo tình hình tham gia và chi trả bảo hiểm hưu trí bổ sung, theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;

53.3. Báo cáo đột xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

CHƯƠNG XII
GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 54. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

54.1. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp

không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

54.2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ, phải được Ngân hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám Sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh kịp thời hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng trong vòng hai mươi bốn (24) giờ. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

54.3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

54.4. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

54.5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ được xác định tại mỗi ngày định giá và tối thiểu mỗi tháng một (01) lần. Giá trị tài sản ròng sau khi được Ngân hàng Giám sát xác nhận có giá trị áp dụng cho đến khi có giá trị tài sản ròng mới được xác định và xác nhận theo quy định.

54.6. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được làm tròn theo quy định tại điểm c mục 6 Phụ lục 4 Điều lệ này. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

54.7. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.

Điều 55. Nguyên tắc hạch toán kết quả đầu tư và chi phí hoạt động theo từng tài khoản hưu trí cá nhân

55.1. Kết quả đầu tư của Quỹ (lãi, lỗ thực hiện và chưa thực hiện, cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và các thu nhập khác) được phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo tỷ lệ tương ứng với giá trị tài khoản hưu trí cá nhân so với tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm phân bổ.

55.2. Chi phí hoạt động của Quỹ (bao gồm chi phí quản lý tài khoản hưu trí cá nhân, chi phí lưu ký, giám sát, kế toán, kiểm toán, chi phí quản trị quỹ và các chi phí khác theo quy định tại Điều lệ này) được phân bổ cho từng tài khoản hưu trí cá nhân theo tỷ lệ tương ứng với giá trị tài khoản hưu trí cá nhân so với tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm phân bổ.

55.3. Nguyên tắc phân bổ cụ thể:

a. Tần suất phân bổ: kết quả đầu tư và chi phí được phân bổ tại mỗi kỳ định giá theo quy định tại Điều lệ này.

b. Đơn vị tính: kết quả phân bổ được tính bằng đồng Việt Nam, làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán. Phần dư từ việc làm tròn được hạch toán vào Quỹ.

c. Thứ tự phân bổ: thu nhập được ghi nhận trước khi khấu trừ chi phí; chi phí được khấu trừ theo thứ tự ưu tiên quy định trong hợp đồng tham gia và tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí.

d. Hạch toán riêng biệt: phần đóng góp của người sử dụng lao động và phần đóng góp của người lao động được hạch toán riêng biệt trong tài khoản hưu trí cá nhân cho đến khi người lao động đủ điều kiện hưởng phần đóng góp của người sử dụng lao động theo văn bản thỏa thuận.

55.4. Phương pháp phân bổ chi tiết và quy trình hạch toán được Công ty quản lý quỹ xây dựng và cập nhật trong tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí, phải được ngân hàng giám sát rà soát định kỳ 06 tháng theo quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

Điều 56. Phương pháp xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân

56.1. Giá trị tài khoản hưu trí cá nhân tại một thời điểm bất kỳ được xác định theo công thức:

Giá trị TKHTCN = Số lượng đơn vị quỹ trong tài khoản hưu trí cá nhân x Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá.

Phần đóng góp của người sử dụng lao động và của người lao động được theo dõi riêng theo nguyên tắc quy định tại Điều 55 Điều lệ này.

56.2. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân có trách nhiệm xác định giá trị từng tài khoản hưu trí cá nhân định kỳ hàng tháng và cung cấp thông tin cho người tham gia quỹ theo yêu cầu.

56.3. Giá trị tài khoản hưu trí cá nhân được ngân hàng giám sát kiểm tra, giám sát để đảm bảo tính chính xác theo quy định tại Điều 39 Điều lệ này và Điều 13 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

56.4. Trong trường hợp phát hiện sai sót trong việc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, Công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân phải điều chỉnh và thông báo cho người tham gia quỹ bị ảnh hưởng trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện sai sót.

Điều 57. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

57.1. Công ty Quản lý quỹ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;

b. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;

c. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.

57.2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:

a. Tổ chức cung cấp báo giá không còn chức năng, bị thu hồi hoặc đình chỉ giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;

b. Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát; vi phạm nghĩa vụ báo giá theo hợp đồng mà không khắc phục; hoặc các trường hợp khác quy định tại mục 4.3 Phụ lục 4 Điều lệ này.

Điều 58. Nguyên tắc và Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

58.1. Công ty Quản lý Quỹ xây dựng và ban hành Quy chế xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân để làm căn cứ thực hiện. Quy chế phải quy định nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng, nguyên tắc xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân và quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá đối với từng loại tài sản đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

58.2. Quy chế xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và gửi Ngân hàng Giám sát để kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

58.3. Quy chế xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân, danh sách tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng. Việc xác định Giá trị Tài sản ròng do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và phải được Ngân hàng giám sát xác nhận hoặc Công ty Quản lý quỹ được phép ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng và có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định giá trị tài sản ròng tuân thủ quy định tại Điều 22 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP. Quy chế này là nội dung của Chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung VietinBank Capital; khi sửa đổi, bổ sung Quy chế, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Bộ Tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc theo quy định của pháp luật.

58.4. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

58.5. Việc xác định giá trị thị trường của tài sản thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

58.6. Giá trị Tài sản ròng của một đơn vị Quỹ bằng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

58.7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ được quy định chi tiết tại Phụ lục 4 đính kèm Điều lệ này.

Điều 59. Quy trình định giá tài sản ròng của Quỹ

59.1. Giá trị tài sản ròng phải được tính toán bằng các nguyên tắc định giá hợp lý và phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

59.2. Trước Ngày định giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch đóng góp/chi trả đơn vị quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành với Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí Ngân hàng giám sát, chi phí Tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, chi phí quản trị Quỹ và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty Chứng Khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày định giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

59.3. Tại ngày sau Ngày định giá

- Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn vị Quỹ;
- Việc công bố giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 54.3 Điều 54 của Điều lệ này.

59.4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau ngày giao dịch: Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân tính toán kết quả giao dịch đơn vị quỹ của Người tham gia quỹ.

59.5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch: Công ty quản lý quỹ thực hiện chi trả tiền cho Người tham gia quỹ theo thông tin tài khoản đã đăng ký, sau khi khấu trừ các nghĩa vụ thuế, phí theo quy định.

Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Người tham gia quỹ

60.1. Người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được đền bù thiệt hại trong các trường hợp sau:

a. Quỹ hưu trí bị đầu tư không đúng với quy định tại Nghị định số 85/2026/NĐ-CP hoặc chính sách đầu tư quy định tại chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung và Điều lệ quỹ.

b. Quỹ hưu trí bị xác định sai giá trị tài sản ròng; phân bổ kết quả đầu tư và xác định sai giá trị tài khoản hưu trí cá nhân. Mức độ sai sót phải đền bù thiệt hại được quy định tại quy chế xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hưu trí và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá

nhân quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định 85/2026/NĐ-CP nhưng không thấp hơn 0,75% giá trị tài sản ròng của quỹ.

c. Phát sinh lỗi hệ thống, lỗi kỹ thuật, lỗi nghiệp vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ dẫn đến sai lệch giá trị tài khoản hưu trí cá nhân cao hơn mức độ sai sót phải đền bù thiệt hại quy định tại điểm b khoản này, các tổ chức cung cấp dịch vụ phát sinh lỗi có trách nhiệm chủ động phát hiện, thông báo và bồi thường đầy đủ cho người tham gia trong trường hợp phát sinh thiệt hại.

60.2. Mức đền bù cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung được xác định trên cơ sở thiệt hại phát sinh cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung.

60.3. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác (nếu có) có liên quan trong việc đầu tư, xác định giá trị tài sản ròng, phân bổ kết quả đầu tư và xác định giá trị tài khoản hưu trí cá nhân cùng chịu trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho người tham gia khi xảy ra các thiệt hại do sai sót của từng tổ chức này. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí và ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản quỹ hưu trí, tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân, các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

60.4. Việc bồi thường thiệt hại cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung phải được doanh nghiệp quản lý quỹ thuyết minh cụ thể tại báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, trong đó nêu rõ nguyên nhân, lý do, mức độ ảnh hưởng, số lượng người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung bị ảnh hưởng đã được đền bù, mức đền bù cho người tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, hình thức đền bù, phương thức thanh toán và các hoạt động khắc phục khác (nếu có).

CHƯƠNG XIII
GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 61. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ

61.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

a. Giá dịch vụ quản lý quỹ tối đa là 1,00% được tính trên giá trị tài sản ròng của quỹ/năm và được trả cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ áp dụng cụ thể do Công ty Quản lý Quỹ công bố trên trang thông tin điện tử theo từng thời kỳ.

b. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý quỹ (năm) x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ của các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

c. Nếu Quỹ đầu tư vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ không thu Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ của Quỹ đối với phần đầu tư vào các quỹ đó.

61.2. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản và quản trị quỹ

a. Quỹ trả giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ cho Ngân hàng giám sát, tổ chức lưu ký tài sản và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ với mức tối đa như sau:

- Giá dịch vụ giám sát: 0,02% giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm;
- Giá dịch vụ lưu ký tài sản: 0,05% giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm;
- Giá dịch vụ quản trị quỹ: 0,03% giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

b. Mức giá dịch vụ nêu tại điểm a khoản này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) và không bao gồm phí giao dịch, phí chuyển tiền và các chi phí khác phát sinh khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ được tính tại mỗi kỳ định giá theo công thức sau:

Giá dịch vụ của kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ (%/năm) × Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá × Số ngày thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ được thanh toán hằng tháng, bằng tổng giá dịch vụ của các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Thời hạn và phương thức thanh toán thực hiện theo Hợp đồng giám sát, Hợp đồng lưu ký tài sản và Hợp đồng quản trị quỹ.

c. Việc điều chỉnh mức giá dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này phải được thông qua theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này và không được làm tổng chi phí của Quỹ vượt mức trần công bố tại Tài liệu giới thiệu về quỹ hưu trí.

61.3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân:

a. Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân được trả cho Tổ Chức Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân của Quỹ để thực hiện các hoạt động quản lý, quản trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân.

b. Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân và phương pháp thanh toán Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân. Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân cụ thể được Công ty Quản lý Quỹ công bố theo từng thời kỳ.

c. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân cho kỳ định giá = Giá Dịch Vụ Quản Trị Tài Khoản Hưu Trí Cá Nhân / số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá.

61.4. Các khoản giá dịch vụ bên trên chưa bao gồm chi phí ngoài thông thường, bao gồm nhưng không giới hạn giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, chi phí thanh toán cho Tổng Công Ty

Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí pháp lý và chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.

Điều 62. Chi phí hoạt động khác của Quỹ

62.1. Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác của Quỹ bao gồm:

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi tài liệu giới thiệu về Quỹ và gửi báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Người Tham Gia Quỹ; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp và/hoặc lấy ý kiến Người Tham Gia Quỹ, thù lao và chi phí tổ chức họp Ban đại diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Chi phí phát sinh từ việc thay thế Ngân Hàng Giám Sát (nếu có) hoặc thay thế các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan khác;
- Các loại chi phí khác được thông báo tùy từng thời điểm theo các thỏa thuận dịch vụ tương ứng, phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

62.2. Các mức giá dịch vụ cụ thể tại Điều 61 và Điều 62 Điều lệ này được công bố và cập nhật trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Hợp đồng tham gia Chương trình hoặc văn bản cam kết của Công ty Quản lý Quỹ với người sử dụng lao động quy định mức giá dịch vụ trọn gói hoặc mức trần tổng chi phí của Quỹ thấp hơn các mức tối đa quy định tại Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm chi trả phần chi phí vượt mức đã cam kết và không hạch toán phần vượt này vào chi phí của Quỹ.

CHƯƠNG XIV
GIẢI THỂ QUỸ

Điều 63. Giải thể Quỹ

63.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung mà không có doanh nghiệp quản lý quỹ hưu trí tiếp nhận việc quản lý Quỹ theo chỉ định của Bộ Tài chính quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP;
- Ngân hàng Giám Sát hoặc Tổ chức lưu ký bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty Quản lý Quỹ

không xác lập được Ngân hàng Giám Sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;

- Công ty Quản lý Quỹ đề nghị giải thể Quỹ và được người tham gia quỹ chấp thuận theo quy định tại Chương V Điều lệ này;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

63.2. Trình tự giải thể Quỹ:

a. trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh sự kiện giải thể, Công ty Quản lý Quỹ thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính, Ngân hàng giám sát, người sử dụng lao động, người tham gia quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử; Quỹ dừng nhận đóng góp kể từ ngày công bố;

b. tài sản của Quỹ được thanh lý dưới sự giám sát của Ngân hàng giám sát; Công ty Quản lý Quỹ là bên thanh lý, trừ trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không còn khả năng thực hiện;

c. người tham gia quỹ lựa chọn chuyển tài khoản hưu trí cá nhân sang quỹ hưu trí khác hoặc nhận chi trả nếu đủ điều kiện nhận chi trả theo quy định; Quỹ không thu phí chi trả đột xuất và giá dịch vụ chuyển đổi đối với giao dịch phát sinh do giải thể Quỹ;

d. phần đóng góp của người sử dụng lao động mà người lao động chưa đủ điều kiện hưởng được xử lý theo Văn bản thỏa thuận;

e. trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất thanh lý, Công ty Quản lý Quỹ báo cáo Bộ Tài chính kết quả giải thể Quỹ có xác nhận của Ngân hàng giám sát.

CHƯƠNG XV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 64. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ, giữa Quỹ và Ngân hàng giám sát.

64.1. Công ty Quản lý Quỹ phải: Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Người tham gia quỹ uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.

64.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

64.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

64.4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành và nhân viên nghiệp vụ của Ngân hàng giám sát không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua bán tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát chỉ được là đối tác mua bán trong giao dịch ngoại hối, hoặc các giao

dịch chứng khoán được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 65. Giải quyết tranh chấp và luật điều chỉnh

65.1. Các tranh chấp phát sinh giữa Đối tượng tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung và Công ty Quản lý Quỹ từ hoặc liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc tùy theo thỏa thuận, các bên có thể yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của Pháp luật.

65.2. Các tranh chấp phát sinh giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, Tổ chức lưu ký tài sản, Tổ chức quản trị Tài khoản Hưu trí Cá nhân và các bên cung cấp dịch vụ khác (nếu có) sẽ được giải quyết theo quy định tại hợp đồng dịch vụ giữa các bên.

65.3. Người Sử dụng Lao động và Người lao động tự chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh theo thỏa thuận giữa Người sử dụng lao động và Người lao động theo quy định của thỏa thuận và pháp luật có liên quan.

65.4. Quỹ Hưu trí, công ty Quản lý Quỹ và các tổ chức cung cấp dịch vụ của Quỹ sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tranh chấp nào liên quan tới việc thừa kế hoặc giữa những người thừa kế.

65.5. Điều lệ này được điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG XVI
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 66. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Người tham gia quỹ

66.1. Công bố thông tin:

Việc công bố và cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện theo yêu cầu của Bộ Tài chính, quy trình công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

66.2. Thông báo cho Người tham gia quỹ:

Mọi thông báo hoặc tài liệu được phát hành và chuyển cho Người tham gia quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ cung cấp miễn phí cho Người tham gia quỹ trên trang thông tin điện tử (Website) của Công ty Quản lý Quỹ hoặc gửi qua thư điện tử cho Người tham gia quỹ. Trường hợp cần thiết, Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi trực tiếp, fax, qua đường bưu điện đến địa chỉ đăng ký của Người tham gia quỹ. Người tham gia quỹ phải thông báo bằng văn bản cho Quỹ khi thay đổi địa chỉ đăng ký của mình.

Mọi thông báo hoặc tài liệu gửi cho Quỹ sẽ được gửi bằng cách giao trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ văn phòng mà Quỹ đã đăng ký.

Điều 67. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

67.1. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xem xét, thực hiện việc sửa đổi, bổ sung quy định đó phù hợp với pháp luật có liên quan. Các nội dung sửa đổi, bổ sung có

thể được lập thành Phụ lục của Điều lệ này hoặc bằng hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

67.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ thuộc các trường hợp quy định tại Điều 20 Điều lệ này, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lấy ý kiến Người tham gia quỹ trước khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo quy định của pháp luật. Việc lấy ý kiến Người tham gia quỹ được thực hiện theo hình thức và trình tự quy định tại Điều 21 Điều lệ này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

67.3. Việc sửa đổi, bổ sung các Điều và Phụ lục của Điều lệ này do Hội đồng thành viên Công ty Quản lý Quỹ quyết định và phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đồng thời gửi trực tiếp cho Người sử dụng lao động và Người lao động tham gia Quỹ trước thời điểm Điều lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực ít nhất 05 (năm) ngày, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

67.4. Việc sửa đổi Điều lệ phải thông báo cho Bộ Tài chính bằng văn bản trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi kèm theo văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.

67.5. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ.

Điều 68. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

68.1. Điều lệ này gồm mười sáu (16) Chương, sáu mươi tám (68) Điều và bốn (04) Phụ lục có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành Điều lệ này.

68.2. Các Người tham gia quỹ, Ban Đại Diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.

68.3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ và đóng dấu của Công ty quản lý quỹ.

68.4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm công bố Điều lệ này trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp Điều lệ cho doanh nghiệp sử dụng lao động và Người lao động tham gia chương trình bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của pháp luật.

68.5. Điều lệ này được Công ty Quản lý Quỹ lưu giữ và cung cấp cho các bên có liên quan theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ.

Phụ lục 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục 2: CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC LƯU KÝ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Phụ lục 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Phụ lục này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ)

Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: 50/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/10/2010 và các giấy phép điều chỉnh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung số 05/GCN01-QLQBHHTBS ngày 08/10/2026 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia quỹ.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
   a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ và số lượng đơn vị quỹ mà người tham gia quỹ nắm giữ;
   b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
   c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
   d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo) và các tài liệu khác cho các người tham gia quỹ theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các người tham gia quỹ.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các người tham gia quỹ theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các người tham gia quỹ theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi người tham gia quỹ, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho người tham gia quỹ.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Bộ Tài chính trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Tổ chức lấy ý kiến người tham gia quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐTV

Bùi Thu Trang

PHỤ LỤC 2
CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC LƯU KÝ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tổ chức lưu ký tài sản, Ngân hàng giám sát và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

Cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ.
2. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát và tổ chức lưu ký tài sản đối với Quỹ.
3. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các người tham gia quỹ; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Bộ Tài chính nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
4. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
5. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
6. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các người tham gia quỹ.
7. Không là người có liên quan với Công ty quản lý quỹ.
8. Đảm bảo tách biệt giữa bộ phận nghiệp vụ cung cấp dịch vụ khác nhau cho Quỹ về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH
TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 và các giấy phép điều chỉnh.

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/9/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do UBCKNN cấp.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Người tham gia quỹ;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện các quyền phát sinh từ chứng khoán, tài sản mà Quỹ đầu tư vì lợi ích của người tham gia quỹ;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Tài liệu giới thiệu Quỹ.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CN HÀ THÀNH**
CHỦ TỊCH HĐTV	PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Thu Trang	*Lê Mỹ Linh*

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này là một phần không tách rời của Điều lệ Quỹ Bảo hiểm hưu trí bổ sung An Tâm. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được xây dựng để hướng dẫn cho việc định giá các tài sản trong danh mục của Quỹ tại các ngày định giá của Quỹ trong quá trình hoạt động, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý Quỹ hưu trí bổ sung.

2. Nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ;
- Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);
- Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và lợi nhuận được chia phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
- Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

3. Ngày định giá

- Là ngày mà Giá trị tài sản ròng của Quỹ Hưu Trí được xác định, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch và ngày mà Giá trị tài sản ròng được tính toán cho mục đích báo cáo (tháng, quý, năm) hoặc mục đích khác.
- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

4. Nguyên tắc lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

4.1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá

- Là (i) tổ chức có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá trong các trường hợp giá thị trường có biến động lớn và cung cấp báo giá cho các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch và (ii) có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- Các hệ thống báo giá cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết;
- Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

4.2. Nguyên tắc lựa chọn các tổ chức cung cấp báo giá

- Các tổ chức được chọn phải đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ;
- Danh sách tổ chức cung cấp báo giá phải bao gồm tối thiểu ba (03) tổ chức;
- Danh sách tổ chức cung cấp báo giá do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất và được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

4.3. Nguyên tắc thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá

Danh sách các tổ chức báo giá được thay đổi khi:

- Hết thời hạn ký kết hợp đồng giữa bên cung cấp giá (các công ty chứng khoán) và bên nhận báo giá (các quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung); hoặc
- Bên cung cấp giá vi phạm nghĩa vụ của bên cung cấp giá và không được khắc phục trong thời gian cho phép trong Hợp đồng; hoặc
- Bên cung cấp giá bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc đình chỉ giấy phép hoạt động; hoặc
- Bên cung cấp giá đơn phương chấm dứt Hợp đồng;
- Công ty quản lý quỹ sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên cung cấp giá vi phạm hợp đồng báo giá đồng thời lựa chọn và thay thế tổ chức cung cấp báo giá mới.
- Danh sách tổ chức cung cấp báo giá không đáp ứng được yêu cầu về số lượng tối thiểu tổ chức cung cấp báo giá.
- Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát; hoặc có thay đổi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về phương thức báo giá.

5. Nguyên tắc định giá tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá
2	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi (tiền gốc) cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
3	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào thời gian nắm giữ công cụ và lãi suất được xác định là một trong các mức sau theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: + Lãi suất trúng thầu vào ngày đấu giá gần nhất trên Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 15 ngày trước ngày định giá; hoặc a. + Lãi suất khác do Ban đại diện Quỹ quy định
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế tính đến nhưng không bao gồm ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, hoặc chỉ có giao dịch với giá thị trường của trái phiếu biến động ngoài Giới hạn chênh lệch (*) thì giá trái phiếu là một trong các mức giá sau tính theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ***Ghi chú:*** ***(*) Giới hạn chênh lệch:*** *Áp dụng cho Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương: Giới hạn chênh lệch được hiểu là giá trái áp dụng tại kỳ định giá có biến động tăng giảm từ không phẩy năm phần trăm (0,5%) trở lên so với giá trái phiếu của kỳ*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
		định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất. *Áp dụng cho Trái phiếu doanh nghiệp: Giới hạn chênh lệch được hiểu là Giá áp dụng của kỳ định giá biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với Trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất* - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu. - Đối với trái phiếu hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán: Giá trái phiếu là giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cho đến ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch mới cộng lãi lũy kế. - Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết, hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi Sở giao dịch chứng khoán hoặc trái phiếu hủy niêm yết để chờ đáo hạn: Giá tría phiếu là mệnh giá cộng lãi lũy kế.
6	Trái phiếu không niêm yết	Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; Giá trái phiếu là một trong các mức giá sau theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: - Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
		dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ.
10	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới : - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
11	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ.
12	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ.
Các tài sản khác		
14	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi} Giá cổ phiếu được xác định như các tiêu chí của mục 7, 8, 9, 10 ở trên.
15	Các tài sản được phép đầu tư khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành;*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam, ...) để tham khảo;*
- *Phương án làm tròn Giá chứng khoán được làm tròn đến hàng đơn vị và được xác định theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán hiện hành.*
- *Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.*
- *Các loại tài sản nêu trong bảng nhưng Quỹ không được phép đầu tư theo Điều 9 Điều lệ này (như trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết) chỉ áp dụng nguyên tắc định giá đối với trường hợp Quỹ nắm giữ thụ động do tài sản thay đổi trạng thái sau thời điểm đầu tư.*

6. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi Tổng nợ phải trả có liên quan (như khoản phải trả mua chứng khoán, phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí môi giới, phí định giá, ...) tại ngày trước Ngày Định giá.

NAV= Tổng giá trị tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

a. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản theo phương pháp định giá được quy định ở trên.

b. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục này;

c. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá, làm tròn xuống đến số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$$uNAV = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó:

- uNAV: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ
- N: Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành

7. Quy trình định giá tài sản Quỹ

a. Trước ngày định giá

Các giao dịch, nghiệp vụ hàng ngày sẽ được ghi nhận, hạch toán theo quy định ngay khi phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn:

- Các giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ;

- Các giao dịch chuyển tiền, thanh toán chi phí liên quan đến quỹ, tiền gửi có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, trái tức liên quan đến chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Các nghiệp vụ về đóng góp/ chi trả đơn vị quỹ phát sinh sau ngày giao dịch của kỳ trước.

b. Tại ngày định giá
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, trái phiếu, … tính đến ngày trước ngày định giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, tổ chức quản trị tài khoản hưu trí và các chi phí dự chi khác liên quan đến hoạt động của Quỹ, … tính đến ngày trước ngày định giá;
- Đối chiếu số dư tiền mặt tại Tổ chức lưu ký tài sản;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên các nguồn của Sở giao dịch chứng khoán, Bloomberg và các nguồn có liên quan như quy định tại nguyên tắc định giá tại Phụ lục này;
- Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo phương pháp được quy định tại Phụ lục này;

c. Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị quỹ được chuyển cho Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận;

d. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ;

e. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày định giá, Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

8. Quy trình thay đổi các nội dung tại Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

8.1. Yêu cầu thay đổi

Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu thay đổi các nguyên tắc/phương pháp định giá tài sản hoặc nội dung khác trong Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng khi nhận thấy cần thiết để phản ánh trung thực và hợp lý giá trị danh mục. Lý do yêu cầu thay đổi bao gồm (nhưng không giới hạn bởi):
- Do sự thay đổi trong Điều lệ Quỹ hoặc yêu cầu của các văn bản pháp luật có liên quan;
- Do điều kiện thị trường thay đổi khiến các nguyên tắc, phương pháp định giá hay các nội dung khác trong Phụ lục này không còn phù hợp hoặc không còn đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật, điều lệ Quỹ và các nguyên tắc định giá;
- Do khả năng tiếp cận thông tin cho mục đích định giá của Quỹ thay đổi khiến việc định giá không đáp ứng các nguyên tắc định giá.

8.2. Phê duyệt và áp dụng
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được gửi cho Ngân hàng Giám sát/Công ty Quản lý Quỹ xem xét và xác nhận trước khi đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.
- Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng sửa đổi phải được phê duyệt bởi Ban Đại diện Quỹ trước khi đưa vào sử dụng.

- Ngay sau khi được phê duyệt, Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng phải được cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát để áp dụng.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được áp dụng vào ngày định giá gần nhất sau ngày được Ban đại diện Quỹ phê duyệt (hoặc Công ty quản lý quỹ quyết định theo khoản 23.7 Điều 23 Điều lệ này). Công ty quản lý quỹ thông báo cho Bộ Tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo khoản 2 Điều 29 Nghị định số 85/2026/NĐ-CP.